

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai thuyết minh quyết toán NSNN năm 2025
đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt**

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Nhà xuất bản Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Xây dựng số: 1379/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; số 1371/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (bổ sung) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; số 403/QĐ-BXD ngày 11/4/2025 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 (bổ sung) thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Thông báo số 459/TB-BXD ngày 08/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Nhà xuất bản Xây dựng, chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2: Hình thức công khai

Công khai trên trang Web của Nhà xuất bản Xây dựng, địa chỉ: <http://nxbxaydung.com.vn>

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Kế toán và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Bộ phận quản lý mạng (để công khai)
- Lưu :VP...

XÂY DỰNG GIÁM ĐỐC

NGO ĐỨC VINH

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 293/QĐ-NXBXD ngày 07/07/2026 của Nhà Xuất bản Xây dựng)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				

2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8.854	8.854	0	
1	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				


 HÀ


6	Chi hoạt động kinh tế (Loại 280-332)	4.854	4.854	0
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.854	4.854	0
-	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	2.792	2.792	0
-	Các khoản đóng góp	1.210	1.240	0
-	Thanh toán dịch vụ công cộng	89	89	0
-	Vật tư văn phòng	51	50	0
-	Thông tin tuyên truyền, liên lạc	6	6	0
-	Nghiệp vụ, chuyên môn	706	706	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin (Loại 160-171)	4.000	4.000	0
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.000	4.000	0
-	Giảm nghèo về thông tin	4.000	4.000	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			

Y
XUẤT
ẤY D
★

2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				

BẢN
NG

Số: 459 /TB-BXD

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN NĂM 2025
Tên đơn vị: Nhà xuất bản Xây dựng
Mã chương: 019

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 59/2026/TT-BTC ngày 29/5/2026 quy định xét duyệt và tổng hợp quyết toán năm; số 24/2024/TT-BTC ngày 17/04/2024 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; các văn bản của Bộ Xây dựng: số 484/BXD-KHTC ngày 13/01/2026 về việc triển khai thực hiện quyết toán kinh phí hoạt động nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 (nguồn chi thường xuyên); số 4181/BXD-KHTC ngày 13/01/2026 về việc thông báo kế hoạch xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 143/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 về việc ban hành Quy chế làm việc của Bộ Xây dựng; số 118/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn cơ cấu tổ chức của Vụ Kế hoạch - Tài chính.

Căn cứ Báo cáo quyết toán, Báo cáo tài chính năm 2025 của Nhà xuất bản Xây dựng; Biên bản xét duyệt quyết toán năm 2025 giữa Vụ Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Xây dựng và Nhà xuất bản Xây dựng ngày 02/6/2026, Bộ Xây dựng thông báo xét duyệt quyết toán năm 2025 của đơn vị như sau:

I. Phần số liệu:

1. Phạm vi xét duyệt:

Quyết toán ngân sách năm 2025 (*Không bao gồm quyết toán nguồn vốn chi đầu tư phát triển và vốn ODA nước ngoài của ngân sách nhà nước*).

Tổ xét duyệt chỉ rà soát, đối chiếu, kiểm tra hồ sơ, tài liệu và chứng từ đơn vị cung cấp để tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025; không trực tiếp kiểm tra vật tư, hàng hóa, tiền mặt; không xác minh công nợ; không xác nhận tính hợp pháp của hóa đơn, chứng từ; không kiểm tra/đánh giá chất lượng sản phẩm trung gian/chuyên đề và sản phẩm cuối cùng của từng nhiệm vụ/dự án/đề án/đề tài/chương trình.

2. Số liệu quyết toán:

a. Thu phí, lệ phí: Đơn vị không có

b. Quyết toán kinh phí hoạt động:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Thành tiền
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	4.000.000.000
	- Kinh phí đã nhận (Dư tạm ứng):	-
	. Kinh phí tự chủ	
	. Kinh phí không tự chủ	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc:	4.000.000.000
	. Kinh phí tự chủ	
	. Kinh phí không tự chủ (CTMT Loại 160-171)	4.000.000.000
2	Dự toán được giao trong năm	8.900.000.000
	Trong đó:	
2.1	Dự toán giao đầu năm:	8.900.000.000
	- Kinh phí tự chủ: Kinh phí hoạt động bộ máy	-
	- Kinh phí không tự chủ:	8.900.000.000
	+ Kinh phí sự nghiệp văn hóa thực hiện CTMT (Loại 160-171)	4.000.000.000
	+ KP SN kinh tế thực hiện giao nhiệm xuất bản (Loại 280-332)	4.900.000.000
2.2	Dự toán bổ sung trong năm:	-
	- Kinh phí tự chủ: Kinh phí hoạt động bộ máy	
	- Kinh phí không tự chủ:	-
3	Kinh phí thực nhận trong năm	8.854.000.000
	- Kinh phí tự chủ: Kinh phí hoạt động bộ máy	-
	- Kinh phí không tự chủ:	8.854.000.000
	+ Kinh phí sự nghiệp văn hóa thực hiện CTMT (Loại 160-171)	4.000.000.000
	+ KP SN kinh tế thực hiện giao nhiệm xuất bản (Loại 280-332)	4.854.000.000
4	Kinh phí quyết toán trong năm	8.854.000.000
	- Kinh phí tự chủ: Kinh phí hoạt động bộ máy	-
	- Kinh phí không tự chủ:	8.854.000.000
	+ Kinh phí sự nghiệp văn hóa thực hiện CTMT (Loại 160-171)	4.000.000.000
	+ KP SN kinh tế thực hiện giao nhiệm xuất bản (Loại 280-332)	4.854.000.000
5	Kinh phí giảm trong năm	46.000.000
	- Kinh phí tự chủ: Kinh phí hoạt động bộ máy	-
	- Kinh phí không tự chủ:	46.000.000
	+ Kinh phí sự nghiệp văn hóa thực hiện CTMT (Loại 160-171)	-
	+ KP SN kinh tế thực hiện giao nhiệm xuất bản (Loại 280-332)	46.000.000
6	Số dư KP được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	4.000.000.000
	- Kinh phí đã nhận (Dư tạm ứng):	-
	. Kinh phí tự chủ	
	. Kinh phí không tự chủ	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc:	4.000.000.000
	. Kinh phí tự chủ	-
	. Kinh phí không tự chủ (CTMT Loại 160-171)	4.000.000.000

(Số liệu chi tiết theo mẫu biểu 2b/TT59 đính kèm)

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

Tại thời điểm thực hiện xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025, Nhà xuất bản Xây dựng chưa được cơ quan nào thanh tra, kiểm toán đối với đơn vị.

4. Thuyết minh số liệu quyết toán:

4.1. Tình hình biên chế, lao động:

- Tổng số biên chế đơn vị phê duyệt kế hoạch năm 2025 tại Quyết định số 83/QĐ-XBXD ngày 26/02/2025 là: 47 người, trong đó:

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách: 0 người.

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 45 người.

+ Hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 02 người.

- Tổng số lao động có mặt đến ngày 31/12/2025: 47 người (không tăng lao động khoán việc vệ sinh môi trường), trong đó:

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách: 0 người.

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 45 người.

+ Hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 02 người.

- Thu nhập bình quân là: 14.910.000 đồng/người/tháng.

4.2. Tình hình quyết toán ngân sách:

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Nhà xuất bản Xây dựng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ; công tác thu, chi, quản lý tài chính, tài sản và thanh quyết toán ngân sách nhà nước được Nhà xuất bản Xây dựng triển khai thực hiện về cơ bản theo quy định hiện hành.

a) Kinh phí sự nghiệp kinh tế (Loại 280-332):

(1) Kinh phí giao tự chủ: Không có. Lý do: Nhà xuất bản Xây dựng được phân loại là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2) tại Quyết định số 1243/QĐ-BXD ngày 26/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

(2) Kinh phí không tự chủ:

Năm 2025, Nhà xuất bản Xây dựng đã hoàn thành các nhiệm vụ xuất bản phẩm được giao, phê duyệt tại các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 1379/QĐ-BXD ngày 31/12/2024; số 218/QĐ-BXD ngày 21/02/2025; Nhà xuất bản Xây dựng đã nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở tại Biên bản số 633/BB-HĐNXBXD ngày 30/12/2025; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ về Bộ Xây dựng tại văn bản số 87/BC-XBXD ngày 02/03/2026.

Kinh phí được giao và sử dụng dự toán trong năm là 4.900.000.000 đồng, đề nghị quyết toán 4.854.000.000 đồng, số kinh phí hủy dự toán là 46.000.000 đ (Kinh phí cắt, giảm tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ), số kinh phí chuyển năm sau 0 đồng.

b) Kinh phí sự nghiệp văn hóa (Loại 160-171)

Đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, nguồn nhân sách nhà nước, cụ thể:

- Kinh phí được giao và sử dụng dự toán trong năm 2025 là 8.000.000.000 đồng (bao gồm cả số năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025 thực hiện theo tại Quyết định số 1371/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quyết định số 924/QĐ-BXD ngày 11/10/2024; Quyết định số 135/QĐ-BXD ngày 14/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

- Kinh phí đề nghị quyết toán 4.000.000.000 đ, hủy dự toán là 0 đồng; Nhà xuất bản Xây dựng đã nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở tại Biên bản số 634/BB-HĐNXBXD ngày 30/12/2025; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ về Bộ Xây dựng tại văn bản số 87A/BC-XBXD ngày 02/03/2026 và được Nhà xuất bản Công nghệ - Truyền thông (Bộ Khoa học và Công nghệ) xác nhận tại Văn bản số 200/NXB-KHCNTT ngày 21/4/2026.

- Số kinh phí chuyển sang năm 2026 thực hiện là 4.000.000.000 đồng (kinh phí được giao thực hiện nhiệm vụ năm 2025 tại Quyết định số 403/QĐ-BXD ngày 11/4/2025). Lý do được chuyển số dư: căn cứ theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động:

1. Tình hình thực hiện tiết kiệm chi từ nguồn NSNN, nguồn phí được khấu trừ, để lại (nếu có) theo các văn bản của cấp có thẩm quyền:

Kinh phí cắt, giảm tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ là 46.000.000 đồng tại Quyết định số 1398/QĐ-BXD ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính:

Số chênh lệch thu, chi (tiết kiệm chi) cuối năm theo cơ chế tài chính của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật: 66.077.280 đồng.

Trong đó:

- Số trích lập nguồn cải cách tiền lương trong năm: 0 đồng.
- Số trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp từ chênh lệch thu, chi trong năm: 16.519.320 đồng.
- Số trích lập Quỹ khen thưởng: 16.519.320 đồng.
- Số trích lập Quỹ phúc lợi: 33.038.640 đồng

3. Trích lập và sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương từ các nguồn kinh phí phát sinh tại đơn vị theo quy định (bao gồm nguồn NSNN; nguồn phí được khấu trừ, để lại; nguồn sản xuất kinh doanh dịch vụ và nguồn khác):

- Số dư năm trước chuyển sang: 0 đồng;
- Số trích lập cho cải cách tiền lương: 0 đồng;
- Số sử dụng: 0 đồng;

- Số sử dụng cho đầu tư, mua sắm hoạt động chuyên môn và thực hiện cơ chế tự chủ (nếu có): 0 đồng;

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

(1) Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán:

Đơn vị lập và nộp kịp thời theo quy định.

(2) Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán:

Đơn vị đã thực hiện các mẫu biểu báo cáo theo quy định và theo yêu cầu của Bộ Xây dựng tại các Văn bản: số 484/BXD-KHTC ngày 13/01/2026 và số 4181/BXD-KHTC ngày 13/01/2026 nêu trên.

(3) Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

- Về lập dự toán: Thực hiện công văn số 3750/BXD-KHTC ngày 28/6/2024 của Bộ Xây dựng về việc lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (2025-2027), đơn vị đã lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 tại văn bản số 328/XBXD ngày 05/07/2024, theo đúng yêu cầu của Bộ Xây dựng.

- Về chế độ thu, nộp ngân sách: Đơn vị thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

(4) Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính:

Tại thời điểm thực hiện kiểm tra/xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025, Nhà xuất bản Xây dựng chưa được cơ quan nào thanh tra, kiểm toán đối với đơn vị.

(5) Chứng từ, sổ kế toán gọn gàng đã in và đóng quyển, lưu trữ theo chế độ, thuận lợi cho công tác kiểm tra và lập các biểu báo cáo quyết toán. Đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; đơn vị đã có văn bản số 132/BC-XBXD ngày 03/04/2026 tuân thủ triển khai thực hiện Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

(6) Về thực hiện xét duyệt quyết toán năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc: Nhà xuất bản Xây dựng không có đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc.

(7) Đơn vị đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ tại Quyết định số 03/QĐ-XBXD ngày 02/01/2024; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công tại Quyết định số 268/QĐ-XBXD ngày 18/06/2025.

(8) Trong năm, đơn vị không mua sắm và ghi tăng TSCĐ; đã giảm TSCĐ tổng giá trị: 848.231.895 đồng do thanh lý máy móc, thiết bị các loại hỏng hóc đã hết hạn sử dụng; đã trích khấu hao, hao mòn TSCĐ vào chi phí các hoạt động

kinh doanh dịch vụ để bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, số kinh phí 297.667.219 đồng.

(9) Đơn vị đã xây dựng Chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2025 theo quy định tại Quyết định số 97/QĐ-XB XD ngày 06/3/2025; đã báo cáo kết quả thực hành hành tiết kiệm chống lãng phí tại văn bản số 31/BC-NXB XD ngày 22/01/2026; đã thực hiện công khai quyết toán ngân sách năm 2024 tại Quyết định số 521/QĐ-XB XD ngày 07/11/2025; công khai giao dự toán năm 2025 tại Quyết định số 151/QĐ-XB XD ngày 08/4/2025, 308/QĐ-XB XD ngày 10/07/2025 và 12/QĐ-XB XD ngày 09/01/2026; đã công khai thực hiện dự toán 06 tháng đầu năm 2025, 06 tháng cuối năm 2025, công khai các quý I, II, III, IV và công khai thực hiện cả năm theo quy định; đã báo cáo kết quả thực hiện công khai tại văn bản số 527/CV-XB XD ngày 11/10/2025 và văn bản số 16/CV-XB XD ngày 12/01/2026; công khai trên trang web của Nhà xuất bản Xây dựng là <https://nxbxaydung.com.vn>

(10) Đối với nguồn kinh phí NSNN được sử dụng trong năm để thực hiện nhiệm vụ được giao: 12.900.000.000 đồng (gồm: nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước: 4.900.000.000đ; nhiệm vụ truyền thông giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia: 8.000.000.000đ).

- Theo báo cáo của đơn vị, kinh phí đã được Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chi và thanh quyết toán theo quy định, số kinh phí 8.854.000.000đ.

- Dự toán đề nghị chuyển năm sau thực hiện: 4.000.000.000đ.

- Số cắt, giảm tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ: 46.000.000 đồng.

(Đã thuyết minh chi tiết nhiệm vụ tại mục 4.2 phần I của Thông báo này).

(11) Tại thời điểm kiểm tra quyết toán, công nợ phải thu, phải trả của đơn vị đến thời điểm 31/12/2025, cụ thể: Công nợ thu trước khách hàng: 50.904.478 đồng, công nợ phải thu 891.781.105 đ; công nợ phải thu khác 98.698.675 đồng, công nợ phải trả người bán: 505.337.514 đồng, công nợ trả trước cho khách hàng 1.182.500 đ, công nợ phải trả khác: 5.391.769.963 đồng, công nợ khác trả trước 1.546.729.954 đ.

(12) Số dư tài khoản tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước đến 31/12/2025 là 1.424.763.933đ, đơn vị đã có kế hoạch sử dụng dòng tiền, đầu tư tài chính có kỳ hạn 2.040.109.590 đ để tăng nguồn thu cho đơn vị 40.109.590 đ.

(13) Đơn vị đã rà soát số liệu trên Chương trình ứng dụng tài sản công khớp đúng với số liệu về tài sản trên Báo cáo tài chính năm 2025; khớp với số liệu báo cáo tổng kiểm kê tại văn bản số 114/BC-XB XD ngày 19/3/2026; đã báo cáo công khai tài sản công tại văn bản số 192/CV-XB XD ngày 14/5/2026.

(14) Số dư chi phí sản phẩm tồn kho đến 31/12/2025 là: 8.835.479.987 đ.

(15) Hiện tại, đơn vị không sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. Trường hợp (nếu có), yêu cầu đơn vị phải có kế hoạch

xây dựng Đề án trình Bộ phê duyệt để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài công.

2. Kiến nghị:

Thủ trưởng đơn vị được giao trực tiếp quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm trước pháp luật toàn diện về:

- Việc sử dụng kinh phí, lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính; tính chính xác, hợp pháp, trung thực, đầy đủ của số liệu quyết toán và tính hợp pháp của các hồ sơ, chứng từ chi tiêu theo quy định; về những khoản chi quyết toán sai chế độ; về bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Trong quá trình quản lý, thực hiện tự kiểm tra hoặc trong trường hợp cơ quan chức năng phát hiện các khoản thu, chi không đúng chính sách, chế độ quy định, đơn vị chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị của cơ quan chức năng; thực hiện điều chỉnh quyết toán theo thẩm quyền và báo cáo Bộ Xây dựng kết quả thực hiện theo quy định.

- Khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý và sử dụng tài sản để đảm bảo phù hợp chế độ chính sách mới hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị; ban hành mới Quy chế khen thưởng để thực hiện đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Rà soát, có biện pháp xử lý hàng tồn kho để có kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ cho các năm tiếp theo; đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Tiếp tục thường xuyên rà soát, đôn đốc, đối chiếu, xác nhận công nợ để thu hồi kịp thời, tránh nợ đọng vốn và có biện pháp xử lý khoản công nợ khó đòi đảm bảo theo quy định./.

Nơi nhận:

- ĐV được xét duyệt quyết toán;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Nguyễn Danh Huy (để b/c);
- VT Vụ KHTC (để b/c);
- BTC (Vụ TC - Kinh tế ngành);
- KBNN (đơn vị được xét duyệt nhận);
- Lưu: VT, Vụ KHTC (2b).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KH - TC
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Ngọc Quang

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
Nhà xuất bản Xây dựng
(Kèm theo Thông báo số 459 /TB-BXD ngày 08/7/2026 của Bộ Xây dựng)

Phần I. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số			Loại 160 - Khoản 171			Loại 280 - Khoản 332		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7	8	9=8-7
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC									
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	4,000,000,000	4,000,000,000	0	4,000,000,000	4,000,000,000	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)								0	
	- Kinh phí đã nhận									
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc								0	
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	4,000,000,000	4,000,000,000	0	4,000,000,000	4,000,000,000	0	0	0	
	- Kinh phí đã nhận									
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4,000,000,000	4,000,000,000		4,000,000,000	4,000,000,000			0	
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8,900,000,000	4,000,000,000	0	4,000,000,000	4,000,000,000	0	0	0	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ									
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	8,900,000,000	4,000,000,000		4,000,000,000	4,000,000,000		4,900,000,000	0	
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	12,900,000,000	8,000,000,000	0	8,000,000,000	8,000,000,000	0	4,900,000,000	0	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)			0					0	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	12,900,000,000	8,000,000,000	0	8,000,000,000	8,000,000,000	0	4,900,000,000	0	0
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	8,854,000,000	8,854,000,000	0	4,000,000,000	4,000,000,000	0	4,854,000,000	4,854,000,000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ									
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	8,854,000,000	8,854,000,000		4,000,000,000	4,000,000,000		4,854,000,000	4,854,000,000	
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	8,854,000,000	8,854,000,000	0	4,000,000,000	4,000,000,000	0	4,854,000,000	4,854,000,000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ									
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	8,854,000,000	8,854,000,000		4,000,000,000	4,000,000,000		4,854,000,000	4,854,000,000	
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	46,000,000	0	0	0	0	0	46,000,000	0	0
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)									
	- Đã nộp NSNN									
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)									
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)									
6.2	KP không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	46,000,000	0	0	0	0	0	46,000,000	0	0
	- Đã nộp NSNN									
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)									

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số			Loại 160 - Khoản 171			Loại 280 - Khoản 332		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=5-4</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=8-7</i>
	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	46,000,000	0			0		46,000,000	0	0
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	4,000,000,000	4,000,000,000	0	4,000,000,000	4,000,000,000	0	0	0	0
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)									
	- Kinh phí đã nhận									
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc									
7.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	4,000,000,000	4,000,000,000	0	4,000,000,000	4,000,000,000	0	0	0	0
	- Kinh phí đã nhận	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4,000,000,000	4,000,000,000	0	4,000,000,000	4,000,000,000	0	0	0	0
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ									
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI									
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI									
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI									

Phần II. CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN: (Nội dung theo Mẫu số B01/BCQT ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC)

Nhà xuất bản Xây dựng

(Kèm theo Thông báo số 459 /TB-BXD ngày 08/7/2026 của Bộ Xây dựng)

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số			Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại			Nguồn kinh phí hoạt động nghiệp vụ		
					Số báo cáo	Số xét duyệt	CL	Số báo cáo	Số xét duyệt	CL	Số báo cáo	Số xét duyệt	CL	Số báo cáo	Số xét duyệt	CL
A	B	C	D	E	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7	8	9=8-7	10	11	12=11-10
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ:												
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:	8,854,000,000	8,854,000,000	-	8,854,000,000	8,854,000,000	-						
160	171			Thông tin	4,000,000,000	4,000,000,000	-	4,000,000,000	4,000,000,000	-						
		7200		Trợ giá theo chính sách của Nhà nước	4,000,000,000	4,000,000,000	-	4,000,000,000	4,000,000,000	-						
			7201	Trợ giá	4,000,000,000	4,000,000,000	-	4,000,000,000	4,000,000,000	-						
280	332			Các hoạt động điều tra, thăm dò, khảo sát, tư vấn, quy hoạch trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nhân văn	4,854,000,000	4,854,000,000	-	4,854,000,000	4,854,000,000	-						
		6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	2,792,077,416	2,792,077,416	-	2,792,077,416	2,792,077,416	-						
			6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	2,792,077,416	2,792,077,416	-	2,792,077,416	2,792,077,416	-						
		6300		Các khoản đóng góp	1,210,427,563	1,210,427,563	-	1,210,427,563	1,210,427,563	-						
			6301	Bảo hiểm xã hội	907,821,209	907,821,209	-	907,821,209	907,821,209	-						
			6302	Bảo hiểm y tế	155,626,488	155,626,488	-	155,626,488	155,626,488	-						
			6303	Kinh phí công đoàn	95,104,368	95,104,368	-	95,104,368	95,104,368	-						
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	51,875,498	51,875,498	-	51,875,498	51,875,498	-						
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	89,021,593	89,021,593	-	89,021,593	89,021,593	-						
			6501	Tiền điện	40,473,673	40,473,673	-	40,473,673	40,473,673	-						
			6502	Tiền nước	7,008,070	7,008,070	-	7,008,070	7,008,070	-						
			6504	Tiền vệ sinh, môi trường	39,979,079	39,979,079	-	39,979,079	39,979,079	-						
			6549	Chi khác	1,560,771	1,560,771	-	1,560,771	1,560,771	-						

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số			Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại			Nguồn kinh phí hoạt động nghiệp vụ		
					Số báo cáo	Số xét duyệt	CL	Số báo cáo	Số xét duyệt	CL	Số báo cáo	Số xét duyệt	CL	Số báo cáo	Số xét duyệt	CL
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=5-4</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=8-7</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12=11-10</i>
		6550		Vật tư văn phòng	50,308,861	50,308,861	-	50,308,861	50,308,861	-						
			6551	Văn phòng phẩm	50,308,861	50,308,861	-	50,308,861	50,308,861	-						
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5,814,055	5,814,055	-	5,814,055	5,814,055	-						
			6603	Cước phí bưu chính	4,835,648	4,835,648	-	4,835,648	4,835,648	-						
			6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	978,407	978,407	-	978,407	978,407	-						
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	706,350,512	706,350,512	-	706,350,512	706,350,512	-						
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	146,906,825	146,906,825	-	146,906,825	146,906,825	-						
			7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	559,443,687	559,443,687	-	559,443,687	559,443,687	-						
				Tổng cộng	8,854,000,000	8,854,000,000	-	8,854,000,000	8,854,000,000	-						

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN
Nhà xuất bản Xây dựng
(Kèm theo Thông báo số 459 /TB-BXD ngày 08/7/2026 của Bộ Xây dựng)

- Tên dự án: Tiểu dự án 1 - Giảm nghèo về thông tin; nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin thuộc Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; Mã số: 0476
- Thuộc chương trình: **Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**; Khởi đầu: Năm 2023 - Kết thúc: Năm 2025
- Cơ quan thực hiện dự án: **Nhà xuất bản Xây dựng**
- Tổng số kinh phí được duyệt toàn dự án: 8.000.000.000 đồng
- Số kinh phí được duyệt kỳ này: 4.000.000.000 đồng

I. SỐ LIỆU TỔNG HỢP:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay			Lũy kế từ khi khởi đầu		
			Tổng số	Loại 160-171		Tổng số	Loại 160-171	
				Tổng số	Khoản		Tổng số	Khoản
A	B	C	I	2	3	4	5	6
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC							
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+03)	1	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000
	- Kinh phí đã nhận	2						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	3	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000
2	Dự toán được giao trong năm	4	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (05= 01+ 04)	5	8,000,000,000	8,000,000,000	8,000,000,000	8,000,000,000	8,000,000,000	8,000,000,000
4	Kinh phí thực nhận trong năm	6	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	7	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000
6	Kinh phí giảm trong năm (08= 09+10+11)	8						
	- Đã nộp NSNN	9						
	- Còn phải nộp NSNN (10=02+06-07-09-13)	10						
	- Dự toán bị huỷ (11= 03+04-06-14)	11						
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (12=13+14)	12	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000
	- Kinh phí đã nhận	13						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	14	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000	4,000,000,000
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ							
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI							

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN NĂM 2025

Nhà xuất bản Xây dựng

(Kèm theo Thông báo số 459 /TB-BXD ngày 08/7/2026 của Bộ Xây dựng)

- Tên dự án: Tiểu dự án 1 - Giảm nghèo về thông tin; nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin thuộc Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; Mã số: 0476
- Thuộc chương trình: **Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**; Khởi đầu: Năm 2023 - Kết thúc: Năm 2025
- Cơ quan thực hiện dự án: **Nhà xuất bản Xây dựng**
- Tổng số kinh phí được duyệt toàn dự án: 8.000.000.000 đồng
- Số kinh phí được duyệt kỳ này: 4.000.000.000 đồng

II. CHI TIẾT CHI THEO MỤC LỤC NSNN:

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Năm nay				Lũy kế từ khi khởi đầu			
					Tổng số	NS trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài	Tổng số	NS trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài
A	B	C	D	E	I	2	3	4	5	6	7	8
				Tổng số:	4,000,000,000	4,000,000,000			4,000,000,000	4,000,000,000		
160	171			Thông tin	4,000,000,000	4,000,000,000			4,000,000,000	4,000,000,000		
		7200		Trợ giá theo chính sách của Nhà nước	4,000,000,000	4,000,000,000			4,000,000,000	4,000,000,000		
			7201	Trợ giá	4,000,000,000	4,000,000,000			4,000,000,000	4,000,000,000		

III. THUYẾT MINH

- Số kinh phí chuyển sang năm 2026 thực hiện là 4.000.000.000 đồng (kinh phí được giao thực hiện nhiệm vụ năm 2025 tại Quyết định số 403/QĐ-BXD ngày 11/4/2025). Lý do được chuyển số dư: căn cứ theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội./.